

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex giảm điểm sâu trong phiên cơ cấu danh mục 2 quỹ VNM ETF và FTSE ETF

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Thanh khoản thị trường sụt giảm xuống mức thấp

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HAV, NVL

[Quan điểm đầu tư]

Giải ngân thăm dò một tỷ trọng vừa phải khi chỉ số về vùng hỗ trợ.

20/03/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	709.73	-2.23
VN30	673.70	-0.86
HĐTL VN30	672.10	-0.87
HNXIndex	101.79	+0.79
HNX30	184.57	+0.96
UPCoM	49.85	-0.10
USD/VNĐ	VND23,372	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.84	+7
Lãi suất qua đêm (%)	2.01	+15
Dầu (WTI, \$)	25.22	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,508.49	+2.53



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 709.73 (-2.23%)
KLGD (triệu CP) 197.5 (-36.1%)
GTGD (triệu US\$) 179.7 (-0.4%)

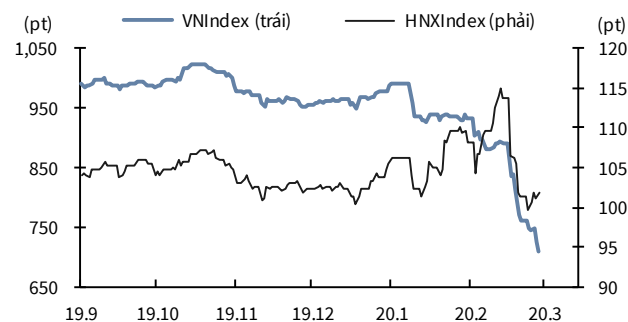
HNXIndex 101.79 (+0.79%)
KLGD (triệu CP) 50.0 (-42.8%)
GTGD (triệu US\$) 16.7 (-17.4%)

UPCoM 49.85 (-0.10%)
KLGD (triệu CP) 16.9 (+60.1%)
GTGD (triệu US\$) 5.3 (+12.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -41.8

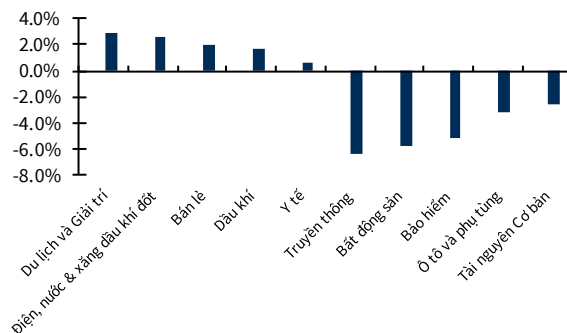
Phiên cơ cấu danh mục 2 quỹ VNM ETF và FTSE ETF khiến thị trường biến động mạnh vào cuối phiên giao dịch với chỉ số VNIndex đóng cửa ở mức giảm điểm sâu. Cụ thể, trong phiên giao dịch ATC, dưới áp lực từ hoạt động cơ cấu danh mục của 2 quỹ ETFs, hàng loạt các mã vốn hóa lớn lao dốc, trong đó đáng chú ý là diễn biến giảm sàn ở nhóm cổ phiếu Vingroup là VIC (-7%), VHM (-6.9%), VRE (-6.8%); trong khi các mã tăng mạnh gồm có VJC (+5.1%), SSI (+1.1%), VNM (+1.1%)... Với diễn biến hồi phục mạnh của giá dầu WTI phiên ngày hôm qua, nhóm cổ phiếu dầu khí cũng giao dịch khởi sắc với các mã GAS (+4.7%), PVD (+7%), PVS (+7.7%)... Trong khi đó, trước thông tin từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho biết đơn hàng từ thị trường Mỹ, EU giảm mạnh, nhóm cổ phiếu dệt may đồng loạt điều chỉnh như TNG (-6.7%), TCM (-6.3%), GMC (-3.5%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng có phiên giao dịch tích cực và tăng điểm trên diện rộng, tuy nhiên cả 3 cổ phiếu ngân hàng quốc doanh đều điều chỉnh mạnh là VCB (-6.8%), CTG (-1.5%), BID (-0.9%), cũng là các ngân hàng trong thời gian qua đã đưa ra các gói tín dụng lớn hỗ trợ doanh nghiệp. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng giá trị lớn, tập trung ở HPG (-2.9%), VCB (-6.8%), MSN (0%)...

VN Index & HNX Index



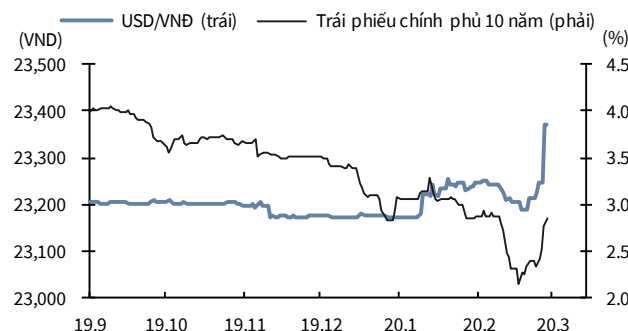
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



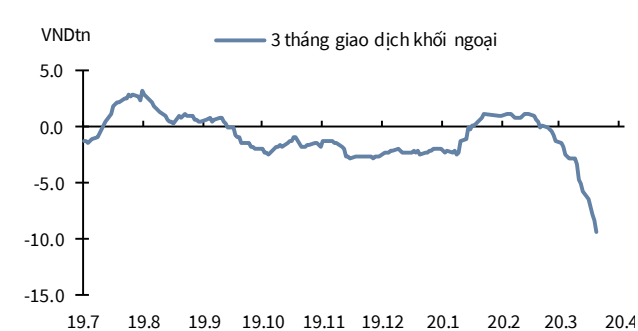
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

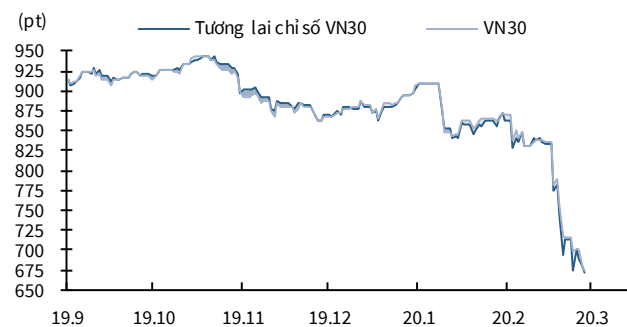
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **673.70 (-0.86%)**
VN30 tương lai **672.1 (-0.87%)**
Mở cửa **672.8**
Cao nhất **677.8**
Thấp nhất **668.0**

Các HĐTL tăng điểm, trái với diễn biến điều chỉnh của chỉ số VN30 Index về cuối phiên, khiến chênh lệch âm thu hẹp đáng kể xuống chỉ còn -1.6 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm xuống mức thấp, trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh mua ròng.

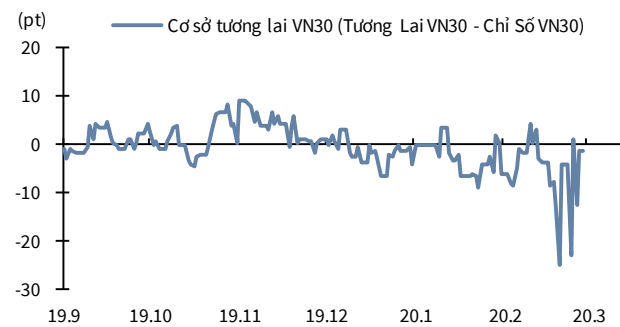
Hợp đồng **146,099 (-16.5%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



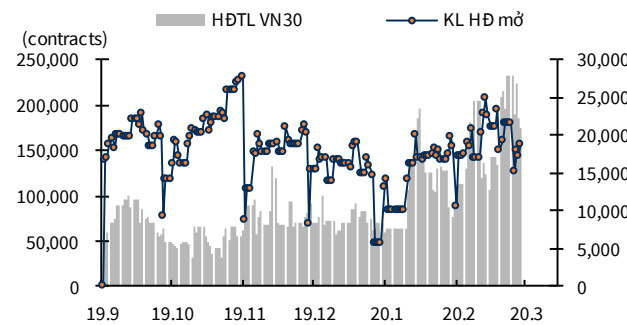
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



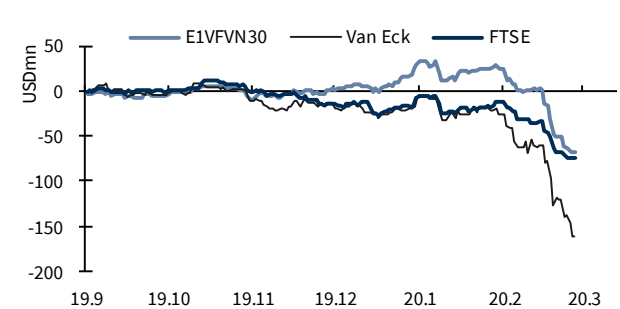
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

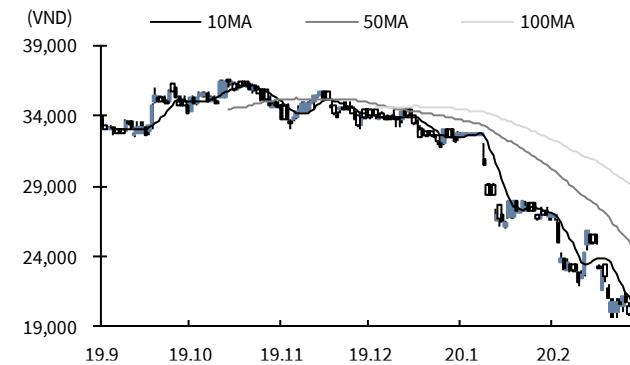
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

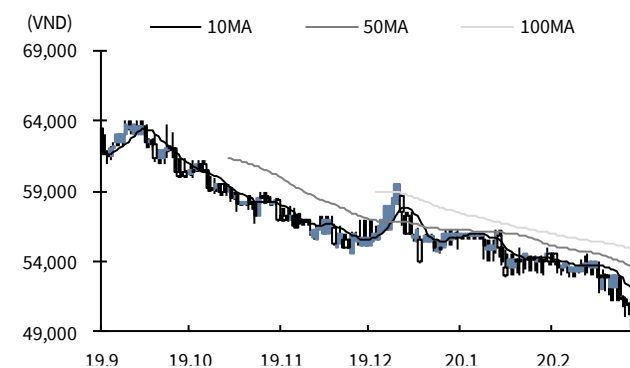
Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN đi ngang đóng cửa ở 19,900 VNĐ/cp.
- HVN công bố sẽ tạm dừng khai thác tất cả các đường bay quốc tế do ảnh hưởng sâu rộng của dịch bệnh COVID-19, dự kiến đến hết ngày 30/4. Theo đó, các đường bay Đông Nam Á gồm Singapore, Thái Lan, Indonesia, Lào, Campuchia, Myanmar sẽ tạm dừng khai thác hai chiều từ ngày 21/3. Đường bay Anh, Nhật Bản tạm dừng hai chiều từ ngày 23/3. Đường bay Đức, Australia tạm dừng chiều Việt Nam đi từ ngày 24/3, chiều về Việt Nam từ ngày 25/3.
- Trước đó, Vietnam Airlines cũng đã tạm dừng khai thác các đường bay giữa Việt Nam với Trung Quốc, Hong Kong, Macao, Hàn Quốc, Pháp, Nga, Malaysia và Đài Loan.

Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL đi ngang đóng cửa ở 51,000 VNĐ/cp.
- NVL công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể, Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền tối đa 1:0.39, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phần NVL sẽ được nhận tối đa 39 cổ phần NVL. Như vậy, với số lượng cổ phiếu đang lưu hành gần 967 triệu cp NVL, ước tính NVL sẽ phát hành thêm tối đa 378 triệu cp cho cổ đông hiện hữu. Sau khi việc phát hành hoàn tất, vốn điều lệ của Novaland sẽ tăng thêm 3,780 tỷ đồng lên 13,477 tỷ đồng.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

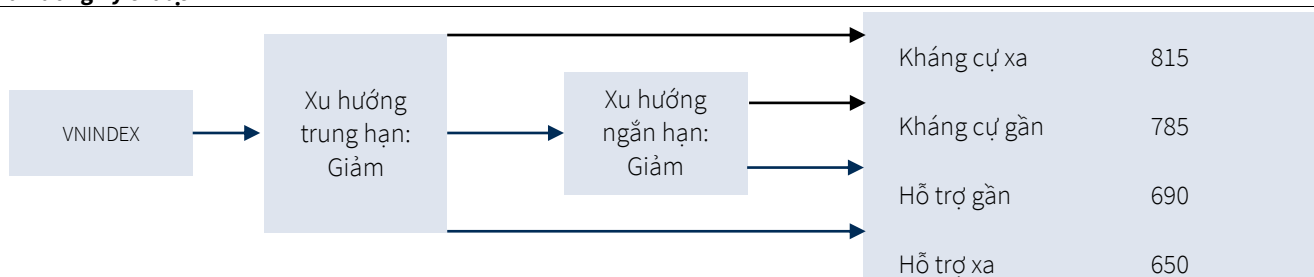
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục chuỗi giảm điểm và thiết lập thêm đáy mới.
- Chúng tôi kì vọng áp lực giảm điểm sẽ bớt dần khi chỉ số tiến tới vùng hỗ trợ tiếp theo tại 69x. Cùng với việc thị trường rơi xuống vùng quá bán sâu, nhịp phục hồi ngắn hạn giai đoạn này sẽ có thể mang lại mức lợi nhuận đủ để bù đắp độ rủi ro.
- NĐT được khuyến nghị có thể giải ngân thăm dò một tỷ trọng vừa phải khi chỉ số về vùng hỗ trợ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 giảm nhẹ trong phiên hôm nay và vẫn đang nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ quanh 670.
- Mức độ giảm của chỉ số đang có xu hướng thu hẹp dần và chúng tôi kì vọng một nhịp phục hồi ngắn hạn cho thị trường trong tuần tới.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế LONG khi chỉ số dao động quanh vùng hỗ trợ 650-670.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

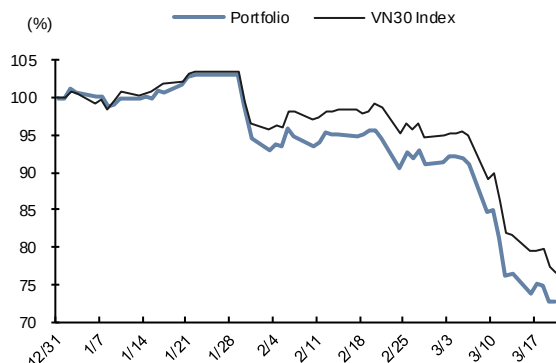
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.86%	-0.13%
Tăng lũy kế (YTD)	-23.36%	-27.30%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/03/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	77,200	2.1%	-33.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	20,400	-2.9%	-23.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	55,000	1.1%	-28.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,000	-0.6%	-18.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,800	0.0%	-12.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	47,700	0.0%	23.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	19,800	-15%	-18.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	103,000	5.1%	-20.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,600	-2.9%	-20.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	11,100	-18%	-19.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khôì ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VJC	6.1%	19.0%	12.3
E1VFN30	-3.4%	98.9%	7.7
GEX	-4.1%	15.3%	4.0
TCH	0.0%	4.7%	3.5
FRT	-1.7%	43.3%	1.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.4%	37.7%	-191.4
VCB	-2.8%	23.8%	-137.1
MSN	-6.3%	37.6%	-80.0
NVL	-1.4%	6.3%	-77.6
VHM	-3.1%	14.9%	-53.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khôì ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	-3.9%	17.0%	0.2
HUT	0.0%	22.0%	0.1
TNG	-6.7%	16.4%	0.1
SGC	-2.9%	0.9%	0.0
AMV	-2.2%	2.7%	0.0
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	7.7%	18.3%	-13.8
VCG	-2.8%	0.5%	-4.0
SHS	0.0%	10.3%	-1.8
PVC	2.0%	13.5%	-0.4
DXP	-0.9%	38.8%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	10.8%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.1%	PAN, CAV
Hóa chất	2.6%	DCM, DPM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%	GAS, SHP
Du lịch và Giải trí	-0.4%	VJC, VNG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-28.5%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-12.7%	BVH, BMI
Bất động sản	-9.8%	VIC, VHM
Ngân hàng	-8.6%	VCB, CTG
Thực phẩm và đồ uống	-7.7%	VNM, SAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	4.4%	YEG, PNC
Hóa chất	-7.7%	HAI, VAF
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-11.4%	LGC, CAV
Y tế	-13.6%	OPC, VDP
Công nghệ thông tin	-13.9%	ITD, SGT
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-38.3%	TCH, DRC
Bảo hiểm	-37.3%	BVH, BMI
Bán lẻ	-28.8%	MWG, FRT
Ngân hàng	-27.7%	VCB, BID
Hàng cá nhân & Gia dụng	-27.6%	PNJ, MSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%, -1đ)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu , USD mn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	82,500	279,051 (11.895)	81,179 (3.5)	22.1	36.4	18.7	33.6	8.8	14.1	3.2	2.8	-7.0	-10.8	-25.0	-28.3
	VHM	VINHOMES JSC	63,800	209,871 (8.946)	63,624 (2.7)	34.1	7.8	6.4	35.4	38.2	32.5	2.5	1.8	-6.9	-11.4	-26.6	-24.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	20,400	46,355 (1.976)	48,528 (2.1)	16.6	14.5	11.7	16.5	11.2	12.6	1.6	1.4	-6.8	-15.7	-34.0	-40.0
	NVL	NOVA LAND INVES	51,000	49,447 (2.108)	33,353 (1.4)	32.3	16.3	14.6	-6.0	12.7	11.9	1.9	-	0.0	-3.8	-6.4	-14.3
	KDH	KHANGDIEN HOUSE	20,000	10,889 (464)	5,696 (0.2)	4.6	9.2	8.4	18.9	14.9	14.2	1.3	1.2	-4.8	-5.2	-18.5	-25.7
	DXG	DAT XANH GROUP	10,450	6,335 (270)	26,360 (1.1)	6.2	3.9	3.0	0.3	17.5	21.2	0.7	-	-1.9	-5.0	-15.7	-27.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	61,500	228,096 (9.723)	90,304 (3.9)	6.2	11.2	9.5	22.3	23.2	21.9	2.1	1.8	-6.8	-13.4	-31.3	-31.8
	BID	BANK FOR INVESTM	33,100	133,129 (5.675)	47,627 (2.0)	12.1	16.0	12.5	13.1	12.8	12.4	1.7	1.5	-0.9	-5.4	-35.5	-28.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,350	60,727 (2.589)	63,546 (2.7)	0.0	5.5	4.7	9.3	16.7	16.6	0.8	0.7	0.6	-4.9	-26.2	-26.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	19,800	73,723 (3.143)	193,400 (8.3)	0.3	7.6	5.2	35.2	13.8	17.0	0.9	0.8	-1.5	-9.8	-26.4	-5.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,050	51,315 (2.187)	108,252 (4.7)	0.0	5.2	4.4	16.2	21.1	21.1	1.0	0.8	1.2	-6.4	-26.3	5.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	16,000	38,583 (1.645)	136,591 (5.9)	0.0	4.3	3.7	18.2	21.2	20.5	0.8	0.7	-0.6	-6.4	-26.1	-23.1
	HDB	HDBANK	20,900	20,119 (858)	43,524 (1.9)	7.0	5.3	4.6	16.9	21.4	21.4	0.9	0.7	0.0	-9.1	-26.4	-24.1
	STB	SACOMBANK	9,800	17,676 (753)	138,837 (6.0)	11.7	6.9	5.4	39.1	10.1	12.7	0.6	0.5	0.5	-5.8	-13.3	-2.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,900	18,102 (772)	6,645 (0.3)	0.0	5.1	4.4	40.1	24.3	21.6	1.1	-	2.8	11.5	2.3	4.0
	EBB	VIETNAM EXPORT-I	15,950	19,609 (836)	4,300 (0.2)	0.0	21.1	21.7	18.6	5.8	5.3	1.2	1.1	1.9	-2.7	-7.3	-10.4
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	34,700	25,759 (1.098)	15,001 (0.6)	19.8	19.1	15.4	6.2	8.1	9.1	1.3	1.2	-6.5	-14.2	-39.7	-49.4
	BMI	BAOMINHINSURANC	17,000	1,553 (0.66)	1,861 (0.1)	11.5	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-7.6	-28.6	-31.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,850	7,175 (306)	40,601 (1.7)	47.3	7.0	6.1	-11.4	10.5	11.2	0.7	0.6	1.1	4.1	-21.3	-23.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	18,150	2,983 (127)	1,198 (0.1)	64.8	5.0	4.2	-14.5	14.1	14.8	0.7	0.6	-2.9	-12.3	-35.2	-38.5
	HCM	HOCHI MINH CITY	13,950	4,260 (182)	21,984 (0.9)	45.4	8.2	4.8	-16.4	12.5	17.7	0.9	0.8	0.0	-0.4	-26.2	-34.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,700	2,649 (113)	5,275 (0.2)	9.8	7.3	5.6	-4.2	12.5	15.1	0.8	0.7	-1.9	-4.5	-9.9	-11.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	90,000	156,724 (6.680)	140,878 (6.1)	41.2	15.6	14.4	4.7	38.3	39.1	5.3	4.9	1.1	-9.2	-15.4	-22.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	126,000	80,801 (3.444)	11,951 (0.5)	36.7	17.3	15.1	8.4	25.1	26.6	4.1	3.8	-0.8	-12.5	-30.0	-44.7
	MSN	MASANGROUP CORP	49,200	57,512 (2.451)	119,192 (5.1)	11.4	20.2	16.9	-31.4	8.3	8.3	1.4	1.2	0.0	-1.3	-3.7	-12.9
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,700	14,079 (600)	3,030 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-1.9	-5.6	-8.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	103,000	53,955 (2.300)	44,868 (1.9)	11.0	12.1	10.7	-5.2	27.2	27.3	3.0	2.8	5.1	2.0	-19.8	-29.5
	GMD	GEMADEPT CORP	16,450	4,884 (208)	6,768 (0.3)	0.0	9.4	8.9	-47.2	9.0	9.0	0.8	0.8	-2.7	4.1	-17.8	-29.4
	CII	HOCHI MINH CITY	19,900	4,932 (210)	11,979 (0.5)	21.0	5.7	7.1	217.5	17.5	11.9	0.8	-	1.0	-5.2	-15.3	-11.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	5,240	2,974 (127)	39,534 (1.7)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-1.1	-42.4	-69.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	14,500	7,080 (302)	16,729 (0.7)	33.7	8.5	6.4	-12.9	13.1	15.5	1.0	1.0	2.1	8.2	-22.7	-25.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	53,800	4,105 (175)	13,241 (0.6)	2.3	6.4	8.0	-30.7	7.8	6.1	0.5	-	1.5	-1.6	-20.4	4.9
	REE	REE	29,800	9,240 (394)	24,130 (1.0)	0.0	5.4	4.5	-2.0	15.1	15.9	0.8	0.7	0.0	5.7	-16.4	-17.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu , USD mn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	57,900	110,818 (4,724)	35,041 (15)	45.4	11.1	9.3	-3.4	19.5	22.2	2.1	1.9	4.7	1.6	-32.1	-38.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	17,500	5,038 (215)	5,641 (0.2)	31.0	7.0	6.4	-2.1	17.5	19.1	1.1	1.1	-2.0	0.0	-14.2	-19.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,000	7,053 (301)	6,623 (0.3)	32.7	6.9	6.8	-4.5	17.9	17.4	1.2	-	-3.9	-3.5	-23.9	-18.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	18,600	51,356 (2,189)	155,252 (6.7)	11.3	6.3	5.2	-3.4	17.2	18.4	0.9	0.8	-2.9	-2.4	-21.7	-20.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,700	4,579 (195)	8,175 (0.4)	30.5	10.2	8.0	-20.9	6.3	7.5	0.6	0.6	-2.9	3.1	-7.5	-9.7
	DCM	PETROCA MAU FER	5,920	3,134 (134)	2,861 (0.1)	47.2	-	9.7	-	-	-	-	-	-0.5	11.9	-5.6	-8.9
	HSG	HOA SEN GROUP	5,820	2,463 (105)	26,947 (1.2)	31.0	6.3	4.7	0.0	7.0	8.5	0.4	0.4	-2.0	-1.4	-30.2	-25.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	10,600	1,815 (077)	23,685 (1.0)	37.1	4.6	7.8	51.8	14.8	9.0	0.5	0.5	0.5	5.0	-19.4	-16.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,600	48,347 (2,061)	16,787 (0.7)	6.7	11.8	10.7	11.2	19.1	19.5	2.3	2.3	1.2	12.3	-23.7	-27.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	8,770	3,693 (157)	43,141 (1.9)	32.8	17.3	6.7	18.1	1.4	3.0	0.3	0.3	7.0	-5.7	-34.3	-41.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	8,450	2,378 (101)	11,236 (0.5)	18.8	3.6	3.9	5.3	13.4	13.0	0.4	0.5	-0.6	-8.2	-38.1	-49.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	77,200	34,988 (1,491)	107,865 (4.6)	0.0	7.3	6.1	25.8	33.9	32.5	2.2	1.7	2.1	-2.3	-30.2	-32.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	55,000	12,385 (528)	50,696 (2.2)	0.0	9.5	8.2	18.8	27.4	27.0	2.2	1.9	1.1	-10.7	-35.5	-36.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	52,500	1,549 (066)	4,640 (0.2)	68.4	31.6	24.3	-40.0	4.9	6.1	1.5	1.5	-6.9	-30.2	5.0	41.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	14,200	1,122 (048)	9,518 (0.4)	5.7	4.6	5.1	-15.7	16.8	14.2	0.7	0.6	-2.4	-9.0	-29.0	-32.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	41,300	5,596 (239)	30,083 (1.3)	41.2	5.4	5.7	27.7	36.7	30.4	1.7	1.6	0.7	0.7	-12.0	8.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	78,000	10,198 (435)	3,610 (0.2)	45.7	15.9	14.8	4.7	19.6	19.9	2.9	2.7	1.3	-9.3	-19.2	-14.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	56,800	4,261 (182)	1,982 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-4.5	2.3	4.6
IT	FPT	FPT CORP	47,700	32,354 (1,379)	106,153 (4.6)	0.0	9.3	8.0	20.8	25.0	25.8	2.1	1.9	0.0	-0.9	-14.5	-18.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.